

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BÌNH MINH  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 18/6/2020  
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lý Thị Thúy Quỳnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Thiên

Bà Nguyễn Thị Kim Loan

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa:*** Không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 306/2019/TLST-HNGĐ ngày 12/12/2019 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1988; Nơi thường trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; Nơi tạm trú: Khu phố B, phường P, thị xã A, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

***- Bị đơn:*** Ông Lê Nguyễn Minh T, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Ấp A, xã A, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***- Theo đơn khởi kiện ngày 25/10/2019 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thanh T1 trình bày:*** Vào năm 2014 qua mai mối, bà T1 và ông Lê Nguyễn Minh T tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân, cả hai có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn được UBND xã Thuận

An, thị xã Bình Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/9/2015. Sau khi kết hôn thì vợ chồng bà sống hạnh phúc thời gian đầu nhưng khoảng thời gian sau xảy ra nhiều mâu thuẫn do hoàn cảnh kinh tế khó khăn và vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên cả hai đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Nguyễn Minh T.

+ Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà T1 và ông T không có con chung nên bà T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ngày 24/12/2019, nguyên đơn Nguyễn Thanh T1 có đơn yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án xét xử vụ án.

- Bị đơn Lê Nguyễn Minh T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án số 306/2019/TB-TLVA ngày 12/12/2019, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 1240/2019/TB-TA ngày 15/12/2019, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 79/TB-TA ngày 03/02/2020, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 325/2020/TB-TA ngày 04/5/2020 nhưng ông T không cung cấp bản khai ý kiến và không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thanh T1.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn Nguyễn Thanh T1 và bị đơn Lê Nguyễn Minh T vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T1 khởi kiện xin ly hôn với ông Lê Nguyễn Minh T có nơi cư trú tại ấp A, xã A, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long do đó Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình theo thủ tục sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 03/6/2020, Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh mở phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất, ông Lê Nguyễn Minh T đã được tổng đạt hợp lệ: Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập xét xử nhưng ông T vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa hôm nay, ông T đã được tổng đạt hợp lệ: Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03/6/2020 và giấy triệu tập xét xử mời lần thứ hai nhưng ông T vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do bị đơn Lê Nguyễn Minh T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ hai lần mà vẫn vắng mặt không rõ lý do và nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T1 có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T1 và ông T.

[2] Về nội dung khởi kiện:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân:

Vào năm 2014, sau khi tìm hiểu nhau thì bà T1 và ông T tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Thuận An, thị xã Bình Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/9/2015 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét quá trình chung sống của bà T1 và ông T: Theo lời khai của bà T1, sau khi kết hôn thì vợ chồng bà sống hạnh phúc thời gian đầu nhưng vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn và bất đồng quan điểm sống nên cả hai thường xuyên cãi nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng bà T1 đã ly thân từ năm 2017, không còn liên lạc với nhau cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T không đến Tòa án trình bày về tình trạng hôn nhân của ông và ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T1 nên phải chịu hậu quả bất lợi theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do giữa bà T1 và ông T đã không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T1 là có căn cứ phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thanh T1. Bà Nguyễn Thanh T1 được ly hôn với ông Lê Nguyễn Minh T.

[2.2] Về nuôi con chung: Theo như bà T1 khai trong quá trình chung sống vợ chồng bà không có con chung nên bà T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông T vắng mặt không có ý kiến bằng văn bản nên Hội đồng xét xử

không đặt ra xem xét, giải quyết. Bà Nguyễn Thanh T1 và ông Lê Nguyễn Minh T được quyền khởi kiện một vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Bà T1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 19, Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thanh T1.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thanh T1 được ly hôn với ông Lê Nguyễn Minh T.

2. Về nuôi con chung: Đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

Bà Nguyễn Thanh T1 và ông Lê Nguyễn Minh T được quyền khởi kiện một vụ kiện khác khi có yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung.

4. Về án phí:

- Về án phí: Bà Nguyễn Thanh T1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009976 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bình Minh. Bà Nguyễn Thanh T1 đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, bà Nguyễn Thanh T1 và ông Lê Nguyễn Minh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh: 02;
- Chi cục thi hành án DS thị xã Bình Minh: 02;
- Dương sự: 02;
- Ủy ban nhân dân xã Thuận An: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ TẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

**(ĐÃ KÝ)**

**Lý Thị Thúy Quỳnh**